

NGUỒN GỐC CHẾ ĐỘ RUỘNG CÔNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở SƠN LA (TRƯỚC NĂM 1887)

Trần Thị Phụng

Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Về cơ bản đặc trưng chung của các nước phương Đông là sự tồn tại phổ biến của chế độ sở hữu ruộng công. Cho đến nay, các quan điểm khá thống nhất với nhau khi cho rằng ruộng đất ở Tây Bắc nói chung, Sơn La nói riêng trước đây hầu hết là sở hữu công. Người Thái hay các tộc người khác trong khu vực này chấp nhận sự tồn tại của chế độ ruộng công do một bộ phận quý tộc thống trị phân chia cho nhân dân trở thành luật lệ, được ghi chép trong các bản luật tục của người Thái ở Mai Sơn, Thuận Châu (Sơn La). Để lý giải được những vấn đề cốt yếu, bài báo tập trung làm rõ nguồn gốc, sự xuất hiện, phát triển của chế độ ruộng công trong xã hội người Thái ở Sơn La trước khi thực dân Pháp xâm chiếm năm 1887.

Từ khóa: nguồn gốc, ruộng công, người Thái, Sơn La.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguồn tài liệu ghi chép về ruộng công của người Thái ở Sơn La trước khi thực dân Pháp xâm lược chủ yếu dựa trên các nguồn tài liệu tiếng Thái cổ và tư liệu điền dã của các nhà dân tộc học. Những cuốn sử thi của người Thái như *Quam tô mương* (Chuyện kể bản mường) của các châu: Mường Muối (Thuận Châu), Mường La; *Piét mương hay Pét mương* (sự tích bản mường) của châu Mộc, tập hợp những chuyện nhỏ, chuyện vừa của bản mường... Các sách ghi chép lai lịch các dòng họ chúa đất ở từng địa phương như *Lai lịch dòng họ Bạc Cầm ở Mường Muối (Thuận Châu)*, *Danh sách tổ tiên họ Lò Cầm ở Mai Sơn...* Đặc biệt, một nguồn tài liệu quan trọng là luật tục của người Thái ở các địa phương như *Tục lệ người Thái Đen ở Thuận Châu, Mai Sơn...* Bên cạnh đó là kho tàng ca dao tục ngữ Thái được chép lại. Hầu hết những tư liệu thành văn đó đã được dịch ra tiếng Việt. Ngoài ra, còn có các tư liệu vật chất cũng phản ánh phần nào hoạt động kinh tế nông nghiệp và đời sống kinh tế, chính trị của người Thái ở Sơn La như bia đá, đồ gốm sứ, các vật dụng của các gia đình quý tộc Thái... Trong các nguồn tư liệu này đều đồng nhất quan điểm ghi chép về một loại hình ruộng đất chung của người Thái với tên gọi *ruộng đằm, ruộng toàn mường*.

Bên cạnh đó, từ trước đến nay khi nhắc tới vấn đề ruộng đất cổ truyền của người Thái ở

Tây Bắc nói chung, ở tỉnh Sơn La nói riêng thì vấn đề ruộng đất công luôn được chú trọng.

Liên quan trực tiếp đến vấn đề ruộng đất của người Thái phải kể đến một số công trình tiêu biểu: *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam* của Cầm Trọng [10], *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái* của Đặng Nghiêm Vạn [12]... Bên cạnh đó, đã có một số bài viết liên quan đến vấn đề ruộng đất của người Thái ở Sơn La như Cầm Trọng, Hữu Ứng, *Góp phần tìm hiểu chế độ ruộng công và hình thái xã hội của người Thái Tây Bắc trước đây* [9]; Đặng Nghiêm Vạn, *Về vai trò của chúa đất trong xã hội tồn tại chế độ thổ ty, lang đạo, phià tạo, chúa đất (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX)* [13]... Tất cả các tác giả đều đồng nhất cho rằng ruộng đất của người Thái ở Tây Bắc trước đây đều là chế độ ruộng đất công và phân tích, làm rõ cách thức phân chia, phân loại của loại ruộng đất công này.

Gần đây nhất, một số tác giả tiếp tục các công trình nghiên cứu về ruộng đất của người Thái trong đó tác giả Hà Văn Thu với bài viết "*Vài nét về ruộng đất dân tộc Thái ở Sơn La, Tây Bắc*" [8] đã nhắc tới loại *ruộng toàn mường* cũng như các loại hình canh tác chủ yếu của đồng bào Thái nơi đây. Tác giả Trần Thị Phụng với bài "*Các hình thức sở hữu ruộng đất của người Thái ở Sơn La trước năm 1930 (qua nghiên cứu luật lệ của người Thái Đen ở Thuận Châu)*" [3],

khẳng định người Thái chỉ nhắc tới cách phân chia một loại hình ruộng đất duy nhất là *ruộng toàn mừng*. Đặc biệt, luận án của tác giả Tống Thanh Bình (2017), *Kinh tế, xã hội tỉnh Sơn La từ năm 1895 đến năm 1945* [1] đã đề cập tới loại *ruộng toàn mừng* khi nghiên cứu về tổ chức xã hội người Thái, về các loại ruộng người Thái, luật tục của người Thái...

Sự tồn tại phổ biến của một loại ruộng công trong xã hội người Thái ở Tây Bắc đã được khẳng định trong các công trình nêu trên. Đây là cơ sở gợi mở cho tác giả những hướng nghiên cứu mới, đặc biệt là làm sáng tỏ vấn đề nguồn gốc chế độ ruộng công của người Thái ở Sơn La trước khi thực dân Pháp xâm chiếm năm 1887.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tác giả sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu đặc trưng của chuyên ngành lịch sử như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu các nguồn tư liệu. Đặc biệt, tác giả đã điền dã, thu thập tư liệu tại nhiều địa phương trong tỉnh, cũng như các nguồn lưu trữ ở thư viện tỉnh Sơn La, thư viện Quốc gia...

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Quá trình thiên di của người Thái vào Tây Bắc, Sơn La

Trong thời gian từ thế kỷ IX đến XIII, người Thái ở cao nguyên Thanh Tạng (Tây Tạng - Trung Quốc) vì nhiều lý do khác nhau đã tìm đường thiên di xuống phía Nam vào vùng Tây Bắc. Theo *Quam tô mừng Mường La* kể về quá trình Lạng Chượng và một bộ phận người Thái lên miền Sơn La, Lai Châu, địa điểm đầu tiên Lạng Chượng đến chiếm cứ là Mường La (Sơn La). Khi đến đây đã xảy ra mâu thuẫn với người Xá ở Mường La: “Ở đây Chúa đã phải đánh nhau với người Xá do tướng Khun Quàng cầm đầu. Cuối cùng Chúa đã thắng, nhưng đất đai Mường La quá hẹp, bản mừng lại nhỏ bé nên không thể chiếm được” [5, tr.10]. Vì thế, Lạng Chượng kéo quân về Mường Muối (Thuận Châu), bắt thủ lĩnh người Xá là Ấm poi phải

nộp thuế cho Chúa. Sau đó Chúa tiếp tục tiến đến Mường Quài, Mường Ảng, Mường Thanh (Điện Biên), cho quân lính phá rừng làm ruộng định cư ở đây. Đến giữa thế kỉ XI, tạo Lò Lệt hiệu là Ngu Hấu bắt đầu xây dựng bản mừng ở Mường Muối (Thuận Châu). Mường Muối (Thuận Châu) trở thành trung tâm của người Thái tại Sơn La. Con của Ngu Hấu là Nho Cầm lên làm chúa Mường Sang (Mộc Châu). Còn Ta Cầm, con trưởng của Ngu Hấu tiếp tục xây dựng trung tâm Mường Muối, tiến hành phân chia bản mừng cho các con trai và họ hàng mình đi chiếm đóng, cai quản các mừng: Mường Lằm, Mường La, Mường Mụa... Về sau dưới thời chúa Ta Ngần, Mường Muối trở thành trung tâm hùng mạnh (dưới thời vua Lê Thái Tông) bắt đầu mở rộng đất đai. Do sự tin cậy của vua Lào (Phạ Châu) được vua Lê tín nhiệm, vua Lê Thái Tông đã ban sắc phong cho Ta Ngần làm chúa cả một vùng rộng lớn, các chúa đất các mừng phải xin làm đất chur hầu của Mường Muối [5, tr.25]. Sau thời Ta Ngần, trên vùng đất cư trú của người Thái đã dần dần phân chia thành 16 đơn vị châu mừng [10, tr.313-337]. Đây là sự phân chia lãnh địa của các dòng quý tộc Thái, hoàn toàn không có ý nghĩa phân chia thành các tộc người riêng biệt. Sau đó, các chúa tiếp theo thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, khiến cho trung tâm Mường Muối có nhiều biến động đặc biệt về phạm vi cai quản của mừng. Cuối cùng, các vùng người Thái ở Sơn La cũng không nằm ngoài xu thế tất yếu bị xâm lược.

Ở Sơn La, dân tộc Thái về cơ bản có hai ngành: Thái Trắng và Thái Đen. Ngành Thái Trắng có thể chia làm hai nhóm: Nhóm thứ nhất cư trú ở phía bắc thuộc Ngọc Chiến (Mường La). Nhóm thứ hai phân bố ở phía nam thuộc các huyện Mộc Châu, Phù Yên.

Ngành Thái Đen có những đặc trưng của một nhóm địa phương tương đối thuần nhất. Cư dân Thái Đen phân bố ở các huyện Mường La, Thuận Châu, Mai Sơn. Một nhóm Thái Đen có hơi khác về tập quán và thổ ngữ cư trú ở huyện Yên Châu nên thường gọi là Thái Yên Châu.

Khái quát về ruộng đất của người Thái ở Sơn La trước năm 1887

Trong hầu khắp các châu mường ở miền Tây Bắc trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, toàn bộ ruộng có thể chia làm hai loại: Ruộng loại một là ruộng vỡ hoang (“*na tĩ*”). Đây là loại ruộng của những người mới vỡ hoang, chủ nhân của nó còn đương chiếm hữu chưa đến hạn theo lệ sáp nhập vào ruộng loại hai (ruộng toàn mường). Loại ruộng này nói chung nhỏ hẹp, nằm rải rác ở vùng hẻo lánh, trước sau rồi cũng thành *ruộng toàn mường*. Loại ruộng hai là, ruộng toàn mường (“*na háng mường*”). Đây là loại ruộng công chiếm toàn bộ ruộng ở trong các châu mường [10, tr.172].

Sự tồn tại của chế độ ruộng công được luật tục của người Thái công nhận. Trong toàn bộ nội dung hai bản luật tục “*Luật lệ người Thái Đen ở Thuận Châu*” và “*Luật lệ bản mường ở Mai Sơn*” không đề cập tới loại ruộng tư nhân nào mà chỉ đề cập tới việc phân chia ruộng đất công hay người Thái gọi là *ruộng toàn mường*. Giống như nhận định của Chăm Trọng trong *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam* “Cho đến trước năm 1935 người Thái chưa có khái niệm tư hữu ruộng đất” [10, tr.182-183].

Trên những thửa *ruộng toàn mường*, “chủ” của nó chỉ có quyền sử dụng chứ không có quyền sở hữu. “*Ruộng đất của bản dùng để phân cho từng hộ gia đình trong bản, người nhận ruộng được sử dụng từ đời này qua đời khác những vẫn là ruộng đất công, người dân cho đến người đứng đầu bản mường chỉ được quyền chiếm hữu chứ không có quyền sở hữu, không được phép mua bán*” [1, tr.29]. Tập quán pháp cho phép chủ ruộng kéo dài thời gian sử dụng ruộng đồng thời thừa nhận quyền chủ ruộng sử dụng sản phẩm (ngoài nghĩa vụ đóng góp cho *mường*) lấy từ ruộng mình cấy cấy. Như vậy, chủ ruộng gần như hoàn toàn tư hữu về sản phẩm làm ra và những tư liệu để sản xuất ra sản phẩm, chứ không được quyền tư hữu ruộng đất. Từ thực tế đó đã Chăm Trọng đã rút ra một công thức về ruộng của người Thái là: *công hóa tư, và tư nằm trong giới hạn của công* [10, tr.173].

Ruộng toàn mường được tạo, *phìa, châu mường* (là người đứng đầu cai quản toàn bộ một mường) thông qua tổ chức *bô lão* quản lý rất chặt. Từ sự quản lý đó mà xã hội mới này sinh chế độ phân bổ ruộng gọi là “*tánh ná*” (sắp đặt ruộng) ở trong các *châu mường* [10, tr.184]. *Ruộng toàn mường* được phân chia cho hai bộ phận: thứ nhất: ruộng của quý tộc và chức dịch bao gồm người đứng đầu *mường*, các *chức dịch* trong *bản mường*; thứ hai: ruộng của nông dân bao gồm *nông dân gánh vác* và *nông dân cuông, nhốc, pua pái* [3, tr.45]. Từ sự phân chia ruộng đất cho các bộ phận khác nhau trong xã hội dẫn tới sự phân hóa xã hội ngày càng sâu sắc trong cơ cấu xã hội của người Thái ở Sơn La cho đến trước khi thực dân Pháp xâm lược.

Ruộng toàn mường không theo công thức chia lẻ cho các gia đình nông dân mà theo công lao đóng góp vào việc chung của mỗi gia đình. Việc chung ấy cũng được biểu thị bằng thuật ngữ *việc mường* (*viã háng mường*). Các *tạo* sẽ căn cứ vào số công lao đóng góp cần thiết đề ra cho các *bản*. Các *bản* sẽ phân bổ theo khả năng lao động của từng đơn vị thành viên của mình mà phân suất ruộng cần thiết cho họ.

Nguồn gốc chế độ ruộng công của người Thái

Chế độ ruộng công là hình thái cơ bản trong chế độ ruộng đất của người Thái ở Sơn La trước khi thực dân Pháp xâm lược thậm chí kéo dài đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Một trong những nguyên nhân của sự tồn tại lâu dài, dai dẳng đó bắt nguồn từ quá trình hoàn thiện cơ sở xã hội của người Thái hay cụ thể hơn là sự thay thế, phát triển của các tổ chức xã hội từ *đăm, sang bản, mường* gắn liền với nó là quá trình thay thế từ hình thức *ruộng huyết tộc* sang hình thức *ruộng toàn mường*.

Giai đoạn 1: Ruộng huyết tộc

Ở người Thái hình thức sở hữu cổ xưa nhất mà hiện nay trong các thư tịch cổ chữ Thái hoặc ở dân gian truyền miệng, khiến chúng ta có thể nhận thức được hình thức sở hữu ruộng chung

đầu tiên là *ná đằm* (*ruộng của đằm hay ruộng huyết tộc*) [11, tr.267].

Ruộng huyết tộc là tài sản chung của một tổ chức xã hội mà người Thái gọi là “*đằm*”. “*Đằm*” là một cộng đồng người cùng huyết thống tính theo cha. Cộng đồng người đó cư trú trong một ngôi nhà lớn từ 15 – 20 gian gọi là *nhà “đằm”* (hướn đằm). Ngôi nhà đó, tập trung đến bốn, năm thế hệ với hàng chục cặp vợ chồng của các thế hệ gồm hàng trăm nhân khẩu. Đứng đầu “*đằm*” là một người đàn ông được gọi là “*phu cốc đằm*” (người đứng đầu đằm) hoặc “*trưởng cốc*” - người có toàn quyền chi phối toàn bộ công việc của “*đằm*”. Trên cơ sở quyền sở hữu chung về ruộng đất và những công cụ sản xuất chủ yếu (trâu bò, cày...) toàn “*đằm*” cùng sản xuất, sở hữu chung sản phẩm để tạo ra kho thóc chung gọi là “*día khẩu đằm*”. Rõ ràng đây là một hình thức của một đại gia đình phụ hệ, tồn tại trên cơ sở của tổ chức xã hội người Thái. Ngày nay trong nhiều vùng người Thái Tây Bắc, *đằm* đã trở thành khái niệm để chỉ tổ tiên xa xưa tính theo cha và ruộng của những người chủ xa xưa đó.

Như vậy, ngay từ thời công xã thị tộc, khi con người còn sống ràng buộc nhau trong quan hệ huyết thống, người Thái đã lấy ruộng làm gốc. Và dĩ nhiên *ruộng đằm* là ruộng chung vì lúc đó chưa thể có được phương thức sản xuất theo gia đình riêng biệt. Quyền sở hữu công cộng về ruộng đất dựa trên quan hệ huyết thống (*ná đằm* và *đằm*) là một trong những cơ sở xã hội của quyền sở hữu công cộng về ruộng đất sau này của người Thái ở Tây Bắc nói chung, Sơn La nói riêng.

Giai đoạn 2: Ruộng toàn mường

Trong những thế kỷ XI – XV, do yêu cầu của lực lượng sản xuất, nhiều ngành người Thái đã từ miền Bắc thiên di vào Tây Bắc để khai phá ruộng đất. Có thể đến lúc này, những đại gia đình phụ hệ và *ruộng huyết tộc* mới bị phá vỡ nhường chỗ cho một hình thái xã hội cũng như quan hệ ruộng đất mới cao hơn ra đời.

Người Thái thường cư trú ở chân núi, ven sông, ven suối bởi họ dựa vào tự nhiên và làm ruộng nước để sinh sống, nên ở các vùng thung lũng, lòng chảo trù phú, kinh tế nông nghiệp dần dần được hình thành. Đến lúc này, do dân số tăng lên, diện tích canh tác ngày càng bị thu hẹp, dẫn tới yêu cầu phải mở rộng diện tích canh tác làm xuất hiện những cánh đồng. Về sau, do yêu cầu phải tổ chức và quản lý sản xuất trên một quy mô tương đối lớn như khai phá ruộng, xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi..., một hình thái xã hội và một quan hệ ruộng đất mới đã ra đời trong xã hội người Thái đó là sự xuất hiện của *bản*. Từ đó *bản* gắn chặt với ruộng và được mang tên *bản ná*. Ở người Thái, bước ngoặt chuyển từ hình thái quan hệ huyết thống *đằm* sang quan hệ lãnh thổ, trong đó cơ cấu cư dân thành khối cộng đồng *bản* được xem như dấu mốc quan trọng.

Ở đâu có hoạt động sản xuất nông nghiệp thì thủy lợi luôn là yếu tố quan trọng. Hay nói cách khác thủy lợi là yếu tố cơ bản để hình thành đơn vị cư trú là *bản*. Giờ đây, các *bản* lại nằm trong một mạng lưới sông suối, trên đó có các công trình tưới nước, có cánh đồng được coi là của chung. Các công trình thủy lợi của người Thái được cô lại trong bốn thuật ngữ: *mường, phai, lái, lín*. Người ta thực hiện hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu này bằng lao động hiệp lực của tất cả các *bản* trong toàn bộ lòng chảo. Và chính sự liên hiệp *bản* như thế đã xuất hiện một đơn vị mới là *mường*. *Mường cổ* Thái gắn một cách hữu cơ với lưu vực sông suối. Bởi thế, ở buổi đầu tiên, tên của *mường* bao giờ cũng đi với từ *nặm luông* (suối, sông lớn). Điều đặc biệt quan trọng, đến lúc này quyền sở hữu ruộng đất của các *đằm* đã được hòa tan vào quyền sở hữu chung vùng đất *bản*, vùng đất *mường*. Hình thức *ruộng toàn mường* xuất hiện. Như vậy, nếu như công xã huyết thống là nội dung của cơ cấu *đằm* thì công xã ruộng đất là nội dung cơ bản nhất của cơ cấu *bản mường* [11, tr.291].

Những cuộc chinh chiến của người Thái với các tộc người khác đặc biệt là người Xá như

trong *Quam tô nương* thường xuyên ghi chép lại (ở phần quá trình thiên di của người Thái vào Tây Bắc, Sơn La) đã tạo nên những khu vực đất đai mới của họ hay chính là sự thiết lập những *bản, nương*. Sau khi các *bản, nương* Thái được hình thành sẽ do các Chúa (chủ chúa đất, người Thái gọi là Châu, hay Pú Châu) cai quản. Chúa cử con cháu đi đến các vùng đất khác nhau để lập bản, dựng *mường* và tiếp quản các vùng đất mới. Từ đó, toàn bộ ruộng đất thuộc quyền sở hữu chung của *bản nương* và người đứng đầu là Chúa. Tất cả ruộng, dù xuất hiện từ nguồn nào (khai phá tập thể thời kì chinh chiến, giành giật được của cư dân bản địa, khai phá thêm...) của bất kỳ ai sau này đều là ruộng của *mường* (ruộng công).

Đại bộ phận *ruộng toàn nương* là những ruộng khai phá trong các đợt di dân và tiếp tục khai phá về sau. Công việc khai phá đó có thể diễn ra trên hai hình thức: Một là khai phá có tổ chức và bắt buộc của thời kì chinh chiến và di dân, ban đầu phải tiến hành theo thể thức tập thể trên một quy mô tương đối lớn ví dụ như quang cảnh vỡ hoang của cánh đồng Mường Thanh, Mường Lò. Hai là dưới quyền quản lí của “*bô lão*” đứng đầu là “*tạo*”, các cộng đồng người có quan hệ huyết thống dần dần di cư tới vùng đất mới để khai phá đất làm ruộng.

Tóm lại, *ruộng toàn nương* của người Thái ở Tây Bắc nói chung, Sơn La nói riêng là sự kết hợp giữa hai loại ruộng: ruộng của những nhóm dân tộc trong đó có cả những nhóm Thái đã khai phá trước các thế kỷ thiên di của các ngành Thái tới Tây Bắc và ruộng của người Thái và các tộc người khác khai phá từ ngày thiên di đến khu vực này và kéo dài cho tới sau này [10, tr.179]. Sự kết hợp của hai loại ruộng này rõ ràng gắn liền với quá trình lập *bản, dựng nương* của người Thái.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, nguồn gốc chế độ ruộng công của người Thái ở Sơn La là chế độ *ruộng huyết tộc*, sau đó cùng với sự phát triển của xã hội người

Thái dẫn đến sự xuất hiện *bản, nương* với đặc trưng của chế độ *ruộng toàn nương*. Về cơ bản, *ruộng toàn nương* gồm hai loại: một là ruộng của các tộc người bản địa, hai là ruộng của người Thái khai phá ở giai đoạn đầu và các giai đoạn tiếp theo.

Thứ hai, quyền sở hữu công cộng về ruộng đất hay chế độ ruộng công là hình thái cơ bản trong chế độ ruộng đất của người Thái Tây Bắc nói chung, Sơn La nói riêng trước đây. Kể cả người nông dân hay quý tộc thống trị đều không được phép biến ruộng công thành ruộng tư với danh nghĩa *ruộng toàn nương*.

Thứ ba, trên cơ sở quản lý ruộng đất công hay *ruộng toàn nương* (vùng đất cư trú, sản xuất chung của người Thái) đã dẫn tới sự ra đời của một bộ máy quản lý *bản, nương*. Bộ máy quản lý này bắt nguồn từ yêu cầu tổ chức và quản lý xã hội trong điều kiện lực lượng sản xuất đã phát triển trên một mức độ nhất định và sự tiến hóa của nó thành bộ máy nhà nước, công cụ bóc lột của tầng lớp quý tộc thống trị.

Thứ tư, thông qua *ruộng toàn nương*, bộ máy quản lý *bản nương* bao gồm quý tộc, chức dịch tiến hành bóc lột toàn bộ nông dân trong xã hội từ nông dân tự do đến nông dân lệ thuộc dẫn tới sự xuất hiện của hình thức bóc lột nông dân phổ biến với danh nghĩa *việc nương*.

Thứ năm, hiểu được nguồn gốc của ruộng công chính là góp phần hiểu thêm về bản *mường* và thiết chế xã hội của dân tộc Thái trước năm 1945.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tống Thanh Bình (2017), *Kinh tế, xã hội tỉnh Sơn La từ năm 1895 đến năm 1945*, Luận án Tiến sĩ sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.
- [2]. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tây, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- [3]. Trần Thị Phượng (2019), Các hình thức sở hữu ruộng đất của người Thái ở Sơn La trước năm 1930 (qua nghiên cứu luật lệ của người Thái Đen ở Thuận Châu), *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, tr.43-51.
- [4]. *Quam tô nương Mường Muối, Mường La, Mường Mụa*, Lò Văn Lả, Xôn Hổm dịch, Tài liệu lưu tại Bảo tàng Sơn La.
- [5]. *Quăm tô nương* (kể chuyện bản mường) (1960), Chăm Trọng và Chăm Quỳnh dịch, Nxb Sử học, Hà Nội.
- [6]. Ngô Đức Thịnh (1999), *Luật tục Thái ở Việt Nam (tập quán pháp)*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Duy Thiệu (2003), Thê chế xã hội Mường truyền thống: nghiên cứu so sánh giữa Mường của người Mường và Mường của người Thái Việt Nam, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (59), tr.16 – 29.
- [8]. Hà Văn Thu (1998), Vài nét về ruộng đất dân tộc Thái ở Sơn La, Tây Bắc, bài viết trong *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Chương trình Thái học Việt Nam, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội
- [9]. Chăm Trọng, Hữu Ưng (1973), “Góp phần tìm hiểu chế độ ruộng công và hình thái xã hội của người Thái Tây Bắc trước đây”, *Nghiên cứu lịch sử*, (151), tr 50-57.
- [10]. Chăm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11]. Chăm Trọng (1987), *Máy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế xã hội cổ đại người Thái Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [12]. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [13]. Đặng Nghiêm Vạn (1987), Về vai trò của chúa đất trong xã hội tồn tại chế độ thổ ty, lang đạo, phía tạo, chúa đất (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX), *Nghiên cứu lịch sử*, số 5+6, tr.29-34.

THE ORIGIN OF PUBLIC FIELD OWNERSHIP REGIME OF THE THAI PEOPLE IN SON LA PROVINCE (BEFORE 1887)

Tran Thi Phuong
Tay Bac University

Abstract: Basically, the common feature of Eastern countries is the widespread existence of public ownership of land. Up to now, the views are quite consistent that land in the Northwest in general and Son La in particular was previously mostly owned by the public. The Thai or other ethnic groups in this region accepted the existence of a system of public lands, divided by a ruling aristocracy to the people, as the law, recorded in the customary laws of the Thai people. in Mai Son, Thuan Chau (Son La). To explain the key issues, the article focuses on clarifying the origin, appearance and development of the public field regime in Thai society in Son La before the French colonialists invaded in 1887.

Keywords: origin, public land, Thai ethnic, Son La.

Ngày nhận bài: 23/7/2020. Ngày nhận đăng: 28/9/2020

Liên hệ: phuongtran@utb.edu.vn